

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-PT

Ngày 25 - 02 - 2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa

Ông Đặng Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLPT-DS ngày 13/11/2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐ-PT ngày 25/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 03/2021/QĐ-PT ngày 11/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 06/2021/QĐ-PT ngày 27/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Y

Địa chỉ: Tổ 3, phường F, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T - Địa chỉ: Tổ 20, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1

Địa chỉ: Số nhà 016, đường Đ, tổ 42, phường Cốc Lếu, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị Y và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị T trình bày:

Năm 1989, ông Vũ Văn T cùng mẹ đẻ là bà Lương Thị X đã khai phá và sử dụng diện tích đất khoảng 720m² để làm nhà ở tạm và trồng màu. Năm 1990 được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông Vũ Bình Đ (bố đẻ ông T). Năm 2004, phần đất ở diện tích 120m² được tách ra và cấp đổi GCNQSDĐ đứng tên bà Lương Thị X. Năm 2006, ông T kết hôn với bà Nguyễn Thị Y và vẫn tiếp tục khai phá, sử dụng diện tích đất này.

Năm 2006, nhà nước nắn cua đường nên đã thu hồi một phần trong diện tích đất nêu trên. Ngày 13/6/2008 ông Vũ Văn T được nhà nước cấp trả lại diện tích đất 402m² ở phía tả ly dương tại tổ 11A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Do phần đất được cấp trả lại hiện trạng gồ ghề, nhiều cát, sỏi, đá nên từ khi được cấp trả đất đến năm 2010 ông T nhờ máy súc của Công trình giao thông và thuê máy súc của gia đình ông Nguyễn Anh T ở tại số 675, đường Điện Biên Phủ, tổ 9B, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai để cải tạo lại phần đất được giao, phần đất mặt đường cũ và khai phá đất tại vị trí chân tả luy đường cũ tạo thành thửa đất rộng hơn nhiều so với diện tích đất được giao. Thửa đất có ranh giới ở phía trước chạy theo đường quốc lộ 4D mới nắn cua, phía sau hình vòng cung theo tả luy đường 4D cũ và phía trên tả luy này có một phần đất của gia đình ông, có một phần đất hùm và rãnh nước, có một phần đất của gia đình ông T2 là người cùng tổ dân phố với ông T. Quá trình ông T khai phá mở rộng đất có ông Nguyễn Xuân B - Trú tại: Số 710, đường Điện Biên Phủ, tổ 9B, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai, là Hạt trưởng Hạt quản lý đường bộ Sa Pa từ năm 1990 đến năm 2016 biết và đã đến liên hệ để xin đá sửa chữa tuyến đường Quốc lộ 4D. Ngoài ra, việc gia đình ông T cải tạo và khai phá mở rộng diện tích đất có nhiều người trong tổ dân phố biết. Đến cuối năm 2010 gia đình ông T làm nhà, trồng cây cây cối và chuyển đến đó ở trên diện tích đất này.

Năm 2012 ông T2 là người có đất phía trên tả luy đi cùng với ông Nguyễn Văn T1 đến nhà ông T nói chuyện về việc bán đất cho ông T1, hiện đang chờ Dự án Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện S thu hồi đất sẽ được cấp một suất đất tái định cư và ông T2 có đặt vấn đề mượn của gia đình ông T một phần đất mới khai phá để làm lối đi vào thửa đất của ông T2 bán cho ông T1. Do tin tưởng nên ông T đồng ý cho ông T2 mượn một phần đất có chiều rộng 01m và chiều dài từ mép đường Quốc lộ 4D vào đến tả luy phía trên có thửa đất của ông T2 bán cho ông T1. Sau đó ông T2 và ông T1 đổ mặt đá trên phần đất ông T cho mượn làm lối đi vào thửa đất ông T2 bán cho ông T1.

Năm 2013 ông T biết được Dự án Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện S không thu hồi đến thửa đất của ông T2 bán cho ông T1, ông T đã đòi ông T2 và ông T1 trả lại phần đất đã mượn của gia đình ông T làm lối đi nhưng ông T2, ông T1 không trả, giữa hai bên đã xảy ra tranh chấp. Ngày 16/5/2013 UBND thị

trần S tiến hành hòa giải, tại buổi hoà giải ông T2 đã thừa nhận phần đất đã mượn của ông T làm lối đi và nhất trí trả lại cho ông T, nhưng ông T1 không đồng ý trả lại đất nên hoà giải không thành.

Năm 2016 ông T1 đã chặt phá của gia đình ông T một số cây cối, lấn chiếm đất của gia đình ông T để nâng cấp độ cao đường đi, mở rộng chiều mặt đường, ông T ngăn cản việc làm của ông T1 nhưng không được. Ngày 15/6/2016 UBND thị trấn S mới tiến hành xác minh và lập biên bản xác minh hiện trạng đất tranh chấp đã yêu cầu ông T1 giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp để chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhưng ông T1 vẫn tiếp tục lấn chiếm đất, xây hàng rào, kè, đổ bê tông và lắp cánh cổng trên phần đất đang tranh chấp. Ranh giới phần đất ông T1 lấn chiếm của gia đình ông T có 01 cạnh phía trước giáp đường Quốc lộ 4D, có 01 cạnh phía sau giáp đất nhà ông T và hẻm nước, có 01 cạnh giáp đất của gia đình ông T, có 01 cạnh giáp tả luy.

Đến nay ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông T1 phải trả lại cho ông T, bà Y diện tích đất 256,3m², tại tổ 11A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai và công nhận cho ông T, bà Y là người sử dụng đất hợp pháp. Buộc ông T1 phải tháo dỡ, phá bỏ và di chuyển 01 cổng sắt, tường rào xây, đường đổ bê tông để trả lại nguyên trạng đất cho ông T, bà Y. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định lại diện tích đất tranh chấp theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án là 357,7m².

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Năm 2008 ông T1 có mua một mảnh vườn của ông Nguyễn Chí T2 tại tổ 11A thị trấn S (nay là tổ 3, phường F), thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vị trí mảnh vườn nằm về phía tả luy dương có mặt tiền tiếp giáp với đường quốc lộ 4D hướng thị trấn S đi Thác Bạc, bên phải và bên trái là đồi thông đất dự án rừng 661, phía đối diện qua đường quốc lộ 4D là đất của hộ gia đình bà Lương Thị X. Sau khi mua mảnh vườn trên gia đình ông T1 cải tạo mảnh vườn, làm một căn nhà gỗ rộng khoảng 60m², làm sân và đổ đường bê tông đi ra quốc lộ 4D. Trong thời gian đó Sở giao thông tỉnh Lào Cai thi công nâng cấp tuyến đường quốc lộ 4D đoạn từ thị trấn S đi Thác Bạc có cắt khúc cua tại cống thoát nước lý trình Km120+133,53 phía trước mặt mảnh vườn của gia đình ông T1, việc thi công có ảnh hưởng tài sản, đất và hoa màu của hộ gia đình bà X ở phía đối diện. Ban quản lý dự án công trình giao thông tỉnh Lào Cai đã có văn bản đề nghị UBND huyện S chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi của gia đình bà X sang vị trí đường 4D cũ do cắt cua không sử dụng tại lý trình Km120+133,53 theo sơ đồ giao đất ngày 26/5/2008. Do đó gia đình ông T1 đã thuê người san lấp làm đường đi ra quốc lộ 4D mới sát tả luy dương phía đồi thông bên phải đổ bê tông rộng khoảng 1,2m, cách mép đường 4D cũ gần 2m để đi lại. Đến năm 2016 do căn nhà cũ xuống cấp nên gia đình ông T1 tiến hành cải tạo xây dựng lại, tiến hành xây kè bằng đá nâng cốt mặt đường chông lên mặt đường cũ, san gạt, đánh đá trong tả luy mở rộng đường đi rộng hơn 4m để xe ô tô chở vật liệu vào xây nhà như hiện tại. Đến nay vợ chồng ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị Y khởi kiện

đòi ông T1 phải trả diện tích đất 256,3m² đất thì ông T1 không nhất trí, ông T1 xác định không lấn chiếm đất của gia đình ông T.

Bản án số 07/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 164; 166; 169 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Văn T bà Nguyễn Thị Y đề nghị Hội đồng xét xử công nhận ông T, bà Y là người sử dụng đất hợp pháp diện tích đất 357,7m² tại tổ 11A thị trấn S cũ nay là tổ 3 phường Phan Si Păng, thị xã S, tỉnh Lào cai.

Không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà Y buộc ông T1 phải tháo dỡ, phá bỏ và di chuyển 01 cổng sắt, tường rào xây, đường đổ bê tông để trả lại nguyên trạng đất cho ông T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 06/10/2020, nguyên đơn ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Y, cụ thể: Xác nhận cho ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Y là người sử dụng đất hợp pháp và buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả lại diện tích 355,7m² đất tại tổ 3, phường F, thị xã S, tỉnh Lào Cai, tháo dỡ, phá bỏ và di chuyển 01 cổng sắt, tường rào xây, đường đổ bê tông để trả lại nguyên trạng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm; tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Nguyên đơn ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Y có đầy đủ các nội dung theo mẫu đơn, nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên được xác định là hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Nguyên đơn ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Y.

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp giữa ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị Y với ông Nguyễn Văn T1:

Theo Đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị Y cho rằng diện tích đất tranh chấp với ông Nguyễn Văn T1 một phần đất nằm trong diện tích đất 402,0m² mà UBND huyện S cấp cho bà Lương Thị X (mẹ đẻ ông T) theo Quyết định số 521/TNMT-UBND và Quyết định số 384/QĐ-UBND cùng ngày 13/6/2008 v/v cho phép chuyển vị trí đất và giao đất cho hộ gia đình, cá nhân nằm trong vùng quy hoạch xây dựng Công trình: Quốc lộ 4D đoạn Trạm Tôn - Sa Pa (Km 89 - Km 103). Nguồn gốc của việc hộ bà X được giao diện tích đất này là do năm 2006 nhà nước thực hiện dự án xây dựng công trình: Quốc lộ 4D đã thu hồi một phần đất nằm ở vị trí khác của hộ bà X, sau đó chuyển đổi vị trí, cấp trả cho gia đình sang vị trí mới.

Căn cứ vào các chứng cứ liên quan đến hồ sơ thu hồi, đền bù, cho phép chuyển đổi vị trí và giao đất nông nghiệp cho hộ bà Lương Thị X sang vị trí mới và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thấy rằng hộ bà X đã được UBND huyện S cho phép chuyển đổi vị trí và giao đất nông nghiệp do có đất nằm trong vùng quy hoạch xây dựng công trình: Quốc lộ 4D đoạn Trạm Tôn - Sa Pa (Km 89 - Km 103), tỉnh Lào Cai (diện tích được giao là 402,0m²). Tuy nhiên, sau khi được giao đất bà X chưa làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này. Ngày 21/5/2015 giữa bà Lương Thị X, ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị Y đã lập Biên bản họp gia đình thỏa thuận bà X giao lại toàn bộ quyền sử dụng, định đoạt diện tích đất 402,0m² trên cho ông T, vợ chồng ông T cam kết đây là tài sản riêng của ông T không phải tài sản của hai vợ chồng. Sau đó ông T đã làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đối với một phần diện tích và được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ số BO 756164 ngày 10/6/2013 (diện tích đất ở đô thị 150,0m²).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T, bà Y cũng có ý kiến cho rằng sau khi được UBND huyện S cấp trả đất nhưng gia đình bà X không được bàn giao đất trên thực tế và không được xác định tứ cận của diện tích đất được hoán đổi. Sau khi được giao đất do hiện trạng đất gồ ghề, nhiều cát, sỏi, đá nên đã thuê máy

san gạt mặt bằng và đánh đá mở rộng diện tích đất trồng đến giáp tả luy đất dự án 661 tạo thành thửa đất có diện tích rộng hơn so với diện tích đất được giao. Diện tích đất tranh chấp nằm trong phần đất mà ông T tự khai phá, mở rộng sau khi được nhà nước giao đất năm 2008. Xét thấy, tại Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 13/6/2008 của UBND huyện S có giao cho Phòng Tài nguyên và môi trường chủ trì phối hợp với UBND thị trấn, Ban QLDA các CTGT Lào Cai kiểm tra thực địa, lập hồ sơ địa chính bàn giao đất cho hộ gia đình bà X. Tuy nhiên trên thực tế bà X chưa được bàn giao đất trên thực tế. Khi bà X tặng cho ông T quyền sử dụng đất thì ông T sử dụng đất nhưng cũng không được bàn giao đất, xác định cụ thể ranh giới thửa đất được giao. Tòa án sơ thẩm chỉ nhận định về việc diện tích đất tranh chấp không nằm trong diện tích đất được giao năm 2008 và không xem xét, thu thập chứng cứ về nguồn gốc đất trong trường hợp diện tích đất tranh chấp nằm ngoài thửa đất được giao năm 2008 là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự.

Hơn nữa tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/5/2020 của TAND thị xã S chỉ thể hiện kết quả đo đạc vị trí đất tranh chấp tại thực địa và có ý kiến của cán bộ đại diện Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã S về việc diện tích đất tranh chấp không nằm trong diện tích 150,0m² mà UBND huyện S cấp GCNQSDĐ cho ông Vũ Văn T ngày 10/6/2013, cũng không nằm trong diện tích 402,0m² theo Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 13/6/2008 của UBND huyện S giao đất cho hộ bà Lương Thị X. Lẽ ra, sau khi có kết quả đo đạc thực tế thì phải thực hiện việc lồng ghép diện tích, vị trí diện tích đất tranh chấp lên sơ đồ thửa đất mà bà X được giao theo Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 13/6/2008 của UBND huyện S.

Tại Văn bản số 249/TNMT-QLĐ ngày 24/9/2020 của Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã S chỉ xác định diện tích đất đang tranh chấp là hành lang đường Quốc lộ 4D cũ chứ không khẳng định có nằm trong diện tích giao cho bà X năm 2008 không. Theo đó Bản án sơ thẩm căn cứ vào Sơ đồ kèm theo Quyết định số 384 nhận định việc chuyển giao đất cho gia đình bà X chỉ cho chuyển đổi vị trí đất nông nghiệp giới hạn theo mặt đường tỉnh lộ 4D cũ là lòng đường nhựa và phần đất còn lại phía tả luy âm của đường và xác định diện tích đất tranh chấp không nằm trong diện tích do UBND huyện S giao cho bà X theo Quyết định số 384 là chưa đủ căn cứ.

[2.2] Xét quá trình sử dụng đất:

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn ông T, bà Y đề nghị Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ là lời khai của những người làm chứng biết về quá trình sử dụng đất gia đình ông T để chứng minh quá trình sử dụng đất.

Theo lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Xuân B - Nguyên Hạt trưởng Hạt quản lý đường bộ Sa Pa (từ năm 1990 đến năm 2016) xác nhận về việc có chứng kiến vợ chồng ông T, bà Y thuê máy dọn dẹp, san gạt phần đất là phần đường Quốc lộ 4D cũ sau khi được UBND huyện S giao, toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp với ông T1 nằm trong diện tích đất chân taluy đường cũ. Người làm chứng ông Nguyễn Văn T xác nhận khoảng năm 2008 có được vợ

chồng ông T thuê dùng máy xúc san gạt đất, đá tạo mặt bằng khu đất hiện nay vợ chồng ông T đang ở tại vị trí chân taluy đường cũ vào trong đó có phần đất đang tranh chấp với ông T1. Xét thấy lời khai của những người làm chứng xác nhận việc gia đình ông T có san gạt đất, đá tạo mặt bằng đối với toàn bộ khu đất đang ở hiện nay trong đó có diện tích đất đang tranh chấp nhưng không xác nhận về thời gian sử dụng đất của gia đình ông T có lâu dài, ổn định hay không nên lời khai của những người làm chứng chưa đủ để xác định hộ ông T đã sử dụng diện tích đất tranh chấp ổn định, liên tục, lâu dài theo quy định của pháp luật.

Đối với việc ông T, bà Y cho rằng năm 2012 đã cho ông Nguyễn Chí T2 mượn một phần diện tích đất của gia đình mình để làm lối đi vào đất cả ông T2, ông T2 đã chuyển nhượng thửa đất cho ông T1 nên khi hỏi mượn có ông T1 đi cùng ông T2. Sau đó mặc dù vợ chồng ông T đã yêu cầu trả lại đất nhưng ông T1 không trả nên giữa hai gia đình đã phát sinh tranh chấp. Nguyên đơn cho rằng căn cứ chứng minh việc cho mượn đất là lời trình bày của ông T2 tại Biên bản giải quyết đơn đề nghị của ông Vũ Văn T về việc tranh chấp đất đai với ông Nguyễn Văn T1 của UBND thị trấn S ngày 16/5/2013. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập người làm chứng ông Nguyễn Chí T2 đến làm việc, tuy nhiên ông T2 trình bày không có việc mượn đất của ông T mà khi gia đình bà X ông T được nhà nước đền bù đất sang vị trí đường cũ có vào phần đất mà gia đình ông T2 vẫn sử dụng để làm lối đi nên ông T2 đã thỏa thuận chuyển lối đi sang bên taluy dương để cho cả xóm có lối đi. Xét thấy lời trình bày của ông Nguyễn Chí T2 có mâu thuẫn với nhau nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ để làm rõ nội dung này là thiếu sót.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày sau khi mảnh vườn của ông Nguyễn Chí T2 gia đình ông đổ đường bê tông đi ra quốc lộ 4D, đến năm 2008 khi Sở giao thông tỉnh Lào Cai thi công nâng cấp tuyến đường quốc lộ 4D, cắt khúc của tại công thoát nước và chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp của bà X bị thu hồi sang vị trí đường cũ nên gia đình ông T1 đã thuê người san lấp làm đường đi ra quốc lộ 4D mới sát ta luy dương phía đồi thông bên phải (đường đổ bê tông trộn bột đá khoảng 1,2m) cách mép đường 4D cũ gần 2m và đi lại đến năm 2016 thì cải tạo xây dựng lại, xây kè bằng đá, nâng cốt đường chông lên mặt đường đi cũ, san gạt, đánh đá trong ta luy mở rộng đường đi hơn 4m. Diện tích đất mà gia đình ông T1 sử dụng để làm đường cũng là diện tích đất tranh chấp với gia đình ông T. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm không làm rõ diện tích ông T1 sử dụng có nằm thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào khác không, việc ông T1 san gạt, làm đường có được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không.

[3] Về những người tham gia tố tụng trong vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có văn bản trình bày ý kiến đề ngày 28/8/2019 về việc thời gian khoảng tháng 05/2017 ông Vũ Văn T đã có đơn khởi kiện gia đình ông T1, khi đó ông T1 nhận ủy quyền của mẹ là bà Nguyễn Thị K để tham gia giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật và đã cung cấp cho Tòa án những giấy tờ liên quan. Ông T1 đề nghị

Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do TAND huyện S thụ lý từ năm 2017 để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại Bản tự khai ngày 18/12/2019 ông T1 trình bày: “Thời gian năm 2018 gia đình tôi có mua một mảnh vườn tại tổ 11A, thị trấn S, huyện S của gia đình anh Nguyễn Chí T2... Sau khi mua mảnh vườn trên gia đình tôi đã cải tạo mảnh vườn và làm một căn nhà gỗ khoảng 60m², làm sân và đổ đường bê tông đi ra quốc lộ 4D...”. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T1 giao nộp tài liệu chứng cứ là giấy tờ mua bán chuyển nhượng đất với ông Nguyễn Chí T2 là bản photo nhưng Tòa án sơ thẩm không yêu cầu đương sự cung cấp bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, ông T1 xác định tài sản quyền sử dụng thửa đất vườn nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Chí T2 là của gia đình, việc đổ đường bê tông đi vào thửa đất vườn là do gia đình ông T1 cùng thực hiện và sử dụng con đường này. Diện tích đất mà gia đình ông T1 sử dụng đổ đường bê tông đi vào nhà cũng là diện tích đất đang có tranh chấp với ông T, bà Y.

Tại cấp phúc thẩm, ông T1 trình bày thửa đất vườn mua của ông Nguyễn Chí T2 là tài sản riêng nhưng không cung cấp được chứng cứ là ý kiến của những người trong gia đình về việc có quyền lợi trong tài sản này hay không. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù ông T1 không có yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp, nhưng gia đình ông T1 đã san gạt, làm đường, làm công sức để sử dụng diện tích đất này và như trên đã phân tích thì cần thiết phải xác định rõ cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất này để giải quyết vụ án triệt để. Do vậy, việc Tòa án sơ thẩm không làm rõ việc sử dụng diện tích đất tranh chấp là do gia đình ông T1 cùng sử dụng, yêu cầu đương sự cung cấp thông tin về hộ gia đình, thời điểm kết hôn để đưa những người trong cùng hộ gia đình, cùng sử dụng diện tích đất tranh chấp vào tham gia tố tụng với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan là thiếu, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và chứng minh không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án nên nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm 07/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Y không phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Y mỗi người 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số AC/2012/0000919 ngày 08/10/2020, số AC/2012/0000950 ngày 11/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thị xã S;
- Chi cục THADS thị xã S;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Khanh